

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 08 - 2022.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sứ và bà Phạm Thị Thùy Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 26/08/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/3/2022 về việc “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 10/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh N - sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nay Y D - sinh năm 1987; Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh N và anh Nay Y D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi, không lo làm ăn dẫn đến nợ nần. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh D không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2021 đến nay, Chị N và anh D không còn chung sống với nhau nữa. Đến nay cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D nên Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nay Y D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Phan Thị Thanh N và anh Nay Y D có 01 con chung là: Nay Bảo Kh - sinh ngày 04/8/2016.

Chị Phan Thị Thanh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nay Y D đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Nay Y D vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D về yêu cầu khởi kiện của Chị N. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh N về việc ly hôn với anh Nay Y D. Về con chung: đề nghị giao con chung cho Chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Phan Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Nay Y D là “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nay Y D đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh Nay Y D vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh N và anh Nay Y D chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01/2015 ngày 16/7/2015

là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi Chị N và anh D sinh sống, thì không rõ mâu thuẫn giữa Chị N và anh D. Tuy nhiên, khoảng 1 năm trở lại đây, Chị N và anh D không còn chung sống với nhau nữa. Mặt khác, theo trình bày của Chị N, anh D không chăm lo gia đình, ham chơi dẫn đến nợ nần, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Từ tháng 8 năm 2021, Chị N đã chuyển đến Trường THCS C là nơi chị Nga công tác sinh sống, không còn chung sống với anh D nữa. Xét thấy, giữa hai bên không còn tình cảm và tôn trọng lẫn nhau với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Chị N yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, Chị N và anh D có với nhau 01 con chung là Nay Bảo Kh - sinh ngày 04/08/2016.

Nguyên vọng của Chị N là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó cần thiết giao con chung cho Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của Chị N và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thanh N được ly hôn với anh Nay Y D.
- Về con chung: Giao con chung là Nay Bảo Kh - sinh ngày 04/8/2016 cho chị Phan Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Nay Y D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Phan Thị Thanh N chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0010922 ngày 23/3/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy